

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP I (100 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT

I-Phần kiến thức chung: (20 ĐVHT)

TT	Mã số học phần	TÊN CHỨNG CHỈ	SỐ ĐVHT	PHÂN BỐ ĐVHT	
				Lý thuyết	Thực hành
1	75001001	Triết học	4	4	0
2	75001002	Ngoại ngữ	14	14	0
3	75001003	Tin học	2	1	1

II-Phần kiến thức cơ sở - hỗ trợ: (12 ĐVHT)

TT	Mã số học phần	TÊN CHỨNG CHỈ	SỐ ĐVHT	PHÂN BỐ ĐVHT	
				Lý thuyết	Thực hành
1	25562101	Nha khoa cơ sở	4	2	2
2	25562102	Chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt cơ sở	4	2	2
3	15002001	Y đức – Xã hội học	2	2	0
4	15002002	Sinh học phân tử	2	2	0

III-Phần kiến thức chuyên ngành: (60 ĐVHT)

TT	Mã số học phần	TÊN CHỨNG CHỈ	SỐ ĐVHT	PHÂN BỐ ĐVHT	
				Lý thuyết	Thực hành
1	25564201	Nha khoa phòng ngừa	3	1	2
2	25564202	Nha khoa tổng quát	2	1	1
3	25564203	Giải phẫu đầu cổ	2	1	1
4	25564204	Phẫu thuật thực hành Răng Hàm Mặt	2	1	1
Tự chọn một trong các cụm sau đây:					
1. CỤM BỆNH LÝ - PHẪU THUẬT HÀM MẶT: Phẫu thuật hàm mặt, Bệnh học miệng, Chẩn đoán hình ảnh			51	12	39
5	25565301	Phẫu thuật hàm mặt 1	10	6	4
6	25565302	Phẫu thuật hàm mặt 2	11	0	11
7	25565303	Bệnh học miệng 1	10	3	7
8	25565304	Bệnh học miệng 2	10	0	10
9	25565305	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt 1	7	3	4
10	25565306	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt 2	3	0	3
2. CỤM NHA KHOA PHẪU THUẬT: Nha chu, Cây ghép nha khoa, Phẫu thuật miệng			51	9	42
11	25565307	Nha chu 1	7	3	4
12	25565308	Nha chu 2	10	0	10
13	25565309	Cây ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 1	7	3	4
14	25565310	Cây ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 2	10	0	10
15	25565311	Phẫu thuật miệng 1	7	3	4
16	25565312	Phẫu thuật miệng 2	10	0	10
3. CỤM NHA KHOA PHỤC HỒI: Phục hình răng, Chữa răng nội nha, Cắn khớp			51	13	38
17	25565313	Phục hình răng hàm mặt 1	10	6	4
18	25565314	Phục hình răng hàm mặt 2	11	0	11
19	25565315	Chữa răng-Nội nha 1	7	3	4
20	25565316	Chữa răng-Nội nha 2	8	0	8

Đào

21	25565317	Cẩn khớp 1	7	4	4
22	25565318	Cẩn khớp 2	8	0	8
4. CỤM DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN: Chính hình răng mặt, Nha khoa công cộng, Nha khoa trẻ em			51	12	39
23	25565319	Chính hình răng mặt 1	10	6	4
24	25565320	Chính hình răng mặt 2	11	0	11
25	25565321	Nha khoa công cộng 1	7	3	4
26	25565322	Nha khoa công cộng 2	8	0	8
27	25565323	Nha khoa trẻ em 1	7	3	4
28	25565324	Nha khoa trẻ em 2	8	0	8

IV-Ôn và thi tốt nghiệp: (08 ĐVHT)

TT	Mã số học phần	TÊN CHÚNG CHỈ	SỐ ĐVHT	PHÂN BỐ ĐVHT	
				Lý thuyết	Thực hành
1		Tổng hợp kiến thức chuyên ngành	8	4	4
		Thi tốt nghiệp			

HIỆU TRƯỞNG *thao*

ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Ngô Quốc Đạt